

Bản án số: **170 /2019/DS-PT**

Ngày: 27/6/2019

V/v “Yêu cầu tháo dỡ công trình
xây dựng trên đất đi chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Đinh Như Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Dương Thị Xuân Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2018/TLPT-DS ngày 03/12/2018 về việc “Yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất đi chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2019/QĐ-PT ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1968; Trú tại: Phòng X, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngự N, sinh năm 1951, trú tại: Thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quang T, sinh năm 1956

2. Cụ Ngô Thị H, sinh năm 1926

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959

Đều trú tại: Thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

4. Ông Trần Văn V, sinh năm 1959, trú tại: Phòng Z, Chung cư Newtaco, khu tập thể 7.2 ha, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Bố ông là Trần Văn N, chết năm 1982, mẹ ông là Ngô Thị H, sinh năm 1926, hiện nay đang ở thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ. Bố mẹ ông sinh được 09 người con gồm: Trần Ngư N, Trần Thị T, Trần Thị K, Trần Quang T, Trần Văn V, Trần Thị T, Trần Thị C (đã chết), Trần Văn Đ, Trần Đình Q.

Bố mẹ ông có hơn một nghìn m² đất thổ cư ở tại thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Năm 1998 mẹ ông có ký điểm chỉ vào “Đơn xin chuyển quyền thừa kế sử dụng đất ở cho các con”, đơn này do ông N viết và vẽ sơ đồ vị trí chia đất của từng người, mục đích đề nghị UBND xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ xác nhận việc chia đất ở của gia đình ông. Căn cứ vào đơn và sơ đồ này thì mẹ ông cùng các anh chị em ông thống nhất chia đất ở cho 5 người con trai và mẹ ông như sau:

Ông Trần Quang T được chia 170m², ông Trần Đình Q được chia 181m², ông Trần Ngư N được chia 145m², mẹ ông là Cụ Ngô Thị H được 140m², ông được 141m², ông Trần Văn V được 150m², tất cả đều ở Thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ.

Do ông N là con trưởng nên mẹ ông sống cùng ông N, vì vậy thửa đất của mẹ ông và ông N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gộp thành một thửa có diện tích 285m² và đứng tên ông N.

Sau khi chia đất, ông N là người làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5 anh em nên hiện nay 5 thửa đất này đều được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003.

Đến cuối năm 2006 do không có nhu cầu sử dụng nên thửa đất mà ông Q được chia đã chuyển nhượng lại cho chị gái ruột là Trần Thị K và bà K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến đầu năm 2016 bà K lại chuyển nhượng thửa đất này cho ông nên ngày 03/11/2016 ông được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phúc Thọ sang tên cho ông.

Mặc dù, 5 thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không thể hiện lối đi chung, nhưng diện tích lối đi chung này là của bố mẹ ông vẫn sử dụng làm lối đi từ thời xa xưa cho đến nay. Sau khi chia đất ở cho 5 người đó hình thành 2 phần lối đi chung, trong đó có lối đi chung theo phần thứ nhất gồm thửa đất của ông Q được chia (hiện nay đứng tên ông và ông đang sử dụng) và thửa đất đứng tên ông N hiện nay có ông N và mẹ ông ở; Lối đi chung theo phần thứ hai gồm thửa đất của ông V và thửa đất của ông. Từ lối đi chung theo phần thứ nhất đến lối đi chung theo phần thứ hai đến nơi tiếp giáp 2 lối đi chung này là ngã ba trở ra là lối đi chung hợp nhất (lối đi chung hợp nhất là trước mặt nhà ông Triệu). Do ông đang đi công tác và ở tại Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nhà nên cuối năm 2016 ông N tự ý xây cổng trên phần đất đi chung, làm bịt lối đi vào nhà ông, lúc đầu ông N khóa cổng và giao cho ông một chìa khóa. Đầu năm 2017 ông sửa lại bệp thì ông N thay khóa cổng và không mở cổng cho

ông chở vật liệu vào nên hai anh em mâu thuẫn. Từ đó, ông N đóng cổng nên ông không vào được nhà. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết để ông N tháo dỡ cổng, trả lại lối đi chung để ông có lối đi vì ngoài lối đi này ông không còn lối đi nào khác.

Do thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và thực tế vợ con ông không ở trên đất nhà này nên ông đề nghị Tòa án không đưa vợ con ông tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn là ông Trần Ngư N trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp đến nhà ông N giao các Văn bản tố tụng cho ông N, sau khi nhận, ông N đã đọc và dùng máy điện thoại chụp ảnh các văn bản đó và trả lại Văn bản cho Tòa án nhưng không ký bản giao nhận tài liệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Ngô Thị H trình bày: Chồng cụ là Trần Văn N, đã chết từ lâu. Vợ chồng cụ sinh được 09 người con. Hiện nay cụ đang sống chung cùng ông N, ngoài ra không có ai khác. Đối với bà Bằng là vợ ông N ở Hà Nội chỉ ngày giỗ, ngày tết hoặc có công việc thì bà Bằng mới về nhà một vài ngày rồi lại đi.

Nguồn gốc diện tích đất mà hiện nay ông Đ, ông N, ông V, ông Q, ông Triệu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của vợ chồng cụ. Cụ không nhớ năm nào đã chia đất cho 05 người con trai như trên, đối với đất của cụ và ông N được gộp thành một thửa. Thửa đất của ông Q được chia do không sử dụng nên đã bán cho chị gái là bà K, sau đó bà K bán cho ông Đ nên ông Đ đã xây nhà trên thửa đất này.

Từ ngày xa xưa đến bây giờ, gia đình cụ vẫn đi lối cổng này, kể từ khi cụ chia đất ở cho các con đến nay thì các con của cụ như ông Đ, ông N, ông V, ông Triệu vẫn đi chung lối đi này. Diện tích lối đi chung này là của vợ chồng cụ chứ không phải đất công.

Cuối năm 2016 ông N gọi thợ đến xây cổng trên đất lối đi chung, mục đích để bảo vệ an ninh cho gia đình, do cổng này xây trước cửa nhà ông Đ nên nếu ông N khóa cổng mà không giao chìa khóa cổng cho ông Đ thì ông Đ không vào được nhà. Thực tế, có một lần ông N khóa cổng nên ông Đ không vào được vì vậy hai anh em xảy ra mâu thuẫn. Nay ông Đ yêu cầu ông N tháo dỡ cổng, cụ không đồng ý.

- Ông Trần Quang T trình bày thống nhất với phần trình bày của ông Đ, quan điểm của ông cũng đồng ý yêu cầu ông N tháo dỡ cổng vì ngoài lối đi này ông Đ không còn lối đi nào khác, còn đối với gia đình ông, gia đình ông V vẫn có lối đi. Hiện nay, ông V chưa ở trên đất này, mà ông V đang sinh sống ở tại Hà Nội.

- Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị B không hợp tác, không có lời khai tại Tòa án. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của bà Doãn Thanh T là vợ ông Trần Văn V ở tại Phòng Z Chung cư Newtaco, khu tập thể 7.2 ha, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, cho biết: Ông V và bà sống chung tại Hà Nội từ năm 1988 cho đến nay nên đất nhà mà ông V được chia ở tại thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ hiện nay không có ai ở. Vì vậy, ông V nói là ông không có liên quan, liên đới gì đến vụ án giữa ông Đ và ông N nên ông V không đến Tòa án.

Với nội dung như trên, tại bản án số 06/2018/DSST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tháo dỡ cổng xây trên lối đi chung của ông Trần Văn Đ đối với ông Trần Ngư N.

2. Xác định phần đất có diện tích 64,6m² và phần đất có diện tích 8,36m² tại sổ kê khai tổng hợp năm 1987 tại thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ là lối đi chung của các hộ gia đình ông Trần Văn Đ, ông Trần Ngư N, ông Trần Văn V và ông Trần Quang T. Trong đó phần đất có diện tích 8,36m² thuộc lối đi chung theo phần thứ nhất gồm ông Trần Văn Đ, ông Trần Ngư N (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc ông Trần Ngư N phải tháo dỡ 2 trụ cổng đã xây và cánh cổng trả lại mặt bằng cho các hộ để làm lối đi chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/8/2018, ông Trần Ngư N và cụ Ngô Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy án sơ thẩm, xác định đất 8,36m² và 64,6m² có nguồn gốc do tổ tiên để lại cho cụ H và giữ nguyên cổng đã xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Ông N và cụ H giữ nguyên kháng cáo, ông N có đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa vì cho rằng bố mẹ ông sinh được 12 người con, không phải 09 người con như ông Đ khai; mẹ ông là người xây cổng nên Tòa án sơ thẩm xác định ông là bị đơn là không đúng, ông N thừa nhận diện tích cổng được xây trên ngõ đi chung và không thuộc diện tích 285m² đất Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông và có ý kiến đồng ý để 2 gia đình ông Đ, ông N cùng sử dụng chung cổng, không cần khóa cổng.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được để giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự ; quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Ông N xin hoãn phiên tòa vì cho rằng bố mẹ ông sinh được 12 người con, không phải 09 người con như ông Đ khai. Xét thấy, đây là vụ kiện yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên lối đi chung, không phải vụ án tranh chấp chia thừa kế. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của ông N.

[2]. Về nội dung vụ án:

Diện tích đất mà ông Trần Văn Đ yêu cầu ông Trần Ngư N tháo dỡ công xây trả lại lối đi chung có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Trần Văn N (chết năm 1982) và cụ Ngô Thị H.

Tại sổ mục kê năm 1978 tại UBND xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, thể hiện: Tại thửa số 222, tờ bản đồ số 1, diện tích 360m² đứng tên cụ Trần Văn N; Tại thửa số 247, tờ bản đồ số 1, diện tích 360m² đứng tên ông Trần Văn Triệu; Tại thửa số 248, tờ bản đồ số 1, diện tích 360m² đứng tên ông Trần Văn V. Tại sổ kê khai tổng hợp diện tích đất năm 1987 thể hiện: Diện tích 1080m² đất đứng tên cụ Trần Văn N.

Ngày 16/7/1998, cụ Ngô Thị H đã làm Đơn xin chuyển quyền thừa kế sử dụng đất ở cho các con, văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú ngày 18/7/1998, theo đó cụ H đã phân chia diện tích đất ở và xác định phần lối đi chung cho các con. Căn cứ vào Đơn xin chuyển quyền thừa kế sử dụng đất ở kèm theo sơ đồ chia đất cho các con của cụ H nêu trên, năm 1998 Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú đã kiểm tra đo đạc thực tế và chia đất theo sơ đồ tự phân chia của gia đình cụ H. Qua kiểm tra thực tế từ xa xưa cho đến nay gia đình cụ H vẫn sử dụng một lối đi chung như hiện nay. Sau khi các con của cụ H được chia đất và xây nhà ở riêng thì vẫn đi chung lối đi này. Tháng 11 năm 2003, các con của cụ H được UBND huyện Phúc Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: Tại thửa số 25, tờ bản đồ số 2, diện tích 285m² đứng tên ông Trần Ngư N; Tại thửa số 26, tờ bản đồ số 2, diện tích 181m² đứng tên ông Trần Đình Quyết (Năm 2006, ông Q chuyển nhượng cho bà Trần Thị K và bà K đã chuyển nhượng cho ông Đ nên hiện nay ông Đ đã đứng tên chủ sử dụng thửa đất này); Tại thửa số 47, tờ bản đồ số 2, diện tích 171m² đứng tên ông Trần Quang T; Tại thửa số 131, tờ bản đồ số 2, diện tích 131m² đứng tên ông Trần Văn Đ; Tại thửa số 132, tờ bản đồ số 2, diện tích 163m² đứng tên ông Trần Văn V. Mặc dù, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ được cấp như trên đều không thể hiện diện tích lối đi chung, nhưng thực tế từ trước tới nay các hộ gia đình này vẫn đi chung một lối như hiện nay. Điều này phù hợp với lời khai của cụ Ngô Thị H, ông Trần Văn Đ, ông Trần Quang T, ông Trần Đình Quyết (BL 65, 66).

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ được cấp như trên đều không thể hiện diện tích lối đi chung, nhưng thực tế từ trước tới nay các hộ gia đình này vẫn đi chung một lối đi như hiện nay. Khoảng cuối năm 2016 ông N xây công trên phần đất đi chung lối rẽ vào nhà ông Đ và ông N làm cho ông Đ không có lối đi nên dẫn đến mâu thuẫn giữa ông Đ và ông N. Quan điểm của địa phương thấy rằng: Diện tích đất mà 4 hộ gia đình gồm: ông Đ (có 2 thửa), ông N, ông V, ông Triệu đang đi chung tuy không thể hiện tại thửa đất nào, tờ bản đồ số bao nhiêu nhưng nguồn gốc diện tích đất sử dụng làm lối đi chung này là của cụ Nghệ, cụ H và nằm trong tổng diện tích đất 1080m² được gia đình sử dụng làm lối đi chung từ thời xa xưa, không ai khiếu nại tranh chấp gì về diện tích đất được chia cũng như diện tích đất sử dụng làm lối đi chung. Điều này cũng được chứng minh bằng ý kiến của ông Trần Ngư N. Tại Thư phúc đáp của ông Trần Ngư N đề ngày 02/5/2018 có nội dung: “*Diện tích đất để làm lối đi chung này là sở hữu pháp của cụ Ngô Thị H, tài sản của cụ để lại thành lối đi chung cho các con. Lối đi chung theo phần thứ nhất là 3 hộ gồm Cụ Ngô Thị H, ông Trần Ngư N, ông Trần Văn Quyết (ông Q đó chuyển quyền sở hữu đất cho chủ thể thứ hai, chủ thể thứ hai đó chuyển nhượng cho chủ thể thứ ba là Trần Văn Đ. Lối đi chung theo phần thứ hai là lối đi của*

Trần Văn V và Trần Văn Đ (theo sơ đồ chia đất thừa kế không liên quan đến lối đi chung phần một). Từ lối đi chung phần một đến lối đi chung phần hai đến nơi tiếp giáp hai lối này là ngõ ba trở ra là lối đi chung hợp nhất của 6 hộ gia đình”.

Như vậy, về mặt nguồn gốc đất và thực tế sử dụng, các đương sự đều khai thông nhất nên có đủ cơ sở để xác định ông Trần Văn Đ, ông Trần Ngự N, ông Trần Văn V và ông Trần Quang T đều sử dụng một lối đi chung và nguồn gốc diện tích đất làm lối đi chung là của cụ Trần Văn N và cụ Ngô Thị H. Trong đó, thửa đất của ông Trần Ngự N và ông Trần Văn Đ thuộc lối đi chung theo phần thứ nhất. Thửa đất của ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn V, ông Trần Quang T thuộc lối đi chung theo phần thứ hai.

Tại Biên bản thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 27/6/2018 thì lối đi chung của ông Đ, ông N, ông V và ông Triệu có diện tích là 64,6m². Tuy nhiên tại Biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì diện tích này là 64,1m². Diện tích đất mà ông N xây trụ cổng cao 3,35m, dài 0,5m x 0,35m, trị giá 980.000đ; Cánh cổng gỗ kết hợp hoa sắt 3,1m x 3,35m, trị giá 3.809.000đ; Phần mái cổng lợp bằng ngói 3,8m x 2 x 1,2m, trị giá 2.813.000đ. Tổng trị giá cổng 7.602.000đ.

Đối chiếu với diện tích đất mà các hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất mà các hộ gia đình sử dụng làm lối đi chung so với tổng diện tích đất (1.080m²) của gia đình cụ H thì giảm hơn. Lý do của việc giảm này là do việc đo đạc bằng thủ công tại các thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, do các đương sự trong vụ án không có tranh chấp về diện tích cũng như về quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Di chúc của cụ H đề ngày 20/8/2016 và cụ H ký vào di chúc ngày 28/3/2019, trong đó có nội dung: *“Tôi bắt con trai trưởng xây 1 cái cổng trên phần đất tôi giữ lại làm lối đi không vi phạm vào phần đất của con nào và giao cho con trai trưởng Trần Ngự N trông nom, cai quản....”*. Xét thấy ngày 16/7/1998 cụ đã có đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho các con và phần lối đi chung có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, các hộ đã ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy cụ H đã định đoạt phần đất nêu trên từ năm 1998 nên không có căn cứ xem xét di chúc của cụ H.

Ông N, cụ H kháng cáo cho rằng cụ H là người xây cổng. Xét thấy: Tại Biên bản ghi lời khai của cụ Ngô Thị Hải, có sự chứng kiến của ông Trần Ngự N, cụ H khai: Tết năm 2016, ông N gọi thợ xây và thợ mộc đến xây cổng, tiền làm cổng thì cụ cho ông N và ông N trả tiền làm cổng. Tại Biên bản lấy lời khai của ông Đinh Công T, ông T khai: Do ông làm nghề thợ xây nên năm 2016 ông N thuê ông làm công trình cho nhà ông N, trong đó có cả xây cổng. Ông N là người trực tiếp thanh toán tiền công cho ông. Tại Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân D, ông D khai: ông làm thợ mộc nên năm 2016, ông N có gọi ông đến để làm phần mái và cánh cổng đều bằng gỗ cho ông N và ông N là người trả tiền cho ông. Xét lời khai của cụ Ngô Thị H phù hợp với lời khai của ông Đinh Công T và ông Nguyễn Xuân D, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông Trần Ngự N là người xây cổng. Ông N, cụ H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N thừa nhận diện tích cổng được xây trên ngõ đi chung 8,36m² thuộc thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, Hà Nội là không

thuộc diện tích 285m² đất Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông. Đề nghị 2 gia đình ông Đ, ông N sử dụng chung, không khóa cổng nhưng ông Đ không đồng ý. Vì vậy buộc ông N phải tháo dỡ 2 trụ cổng và cánh cổng, trả lại mặt bằng cho các hộ để làm lối đi chung.

Ngày 11/3/2019 và ngày 05/4/2019 cụ Ngô Thị H, ông Trần Ngư N có Đơn yêu cầu phản tố. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông N, cụ H chỉ có quyền phản tố và quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, yêu cầu này của ông N, cụ H không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm. Đương sự có quyền khởi kiện 1 vụ án dân sự khác khi có đủ tài liệu và chứng cứ chứng minh.

Ông N và cụ H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cụ H và ông N, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

Về án phí: Ông N phải chịu án phí sơ thẩm. Cụ H, ông N không phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308 của BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội về cách tuyên án. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 164, 169, 174, 175, 207, 208, 254 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tháo dỡ cổng xây trên lối đi chung của ông Trần Văn Đ đối với ông Trần Ngư N.

2. Xác định phần đất có diện tích 64,1m² và phần đất có diện tích 8,36m² tại sổ kê khai tổng hợp năm 1987 tại thôn Y, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ là lối đi chung của các hộ gia đình ông Trần Văn Đ, ông Trần Ngư N, ông Trần Văn V và ông Trần Quang T. Trong đó phần đất có diện tích 8,36m² thuộc lối đi chung theo phần thứ nhất gồm ông Trần Văn Đ, ông Trần Ngư N (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc ông Trần Ngư N phải tháo dỡ 2 trụ cổng đã xây và cánh cổng trả lại mặt bằng cho các hộ để làm lối đi chung.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Ngư N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Trần Văn Đ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0005067 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Ấn phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả ông N 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại biên lai thu số 0005393 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành án kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Cẩm Yên

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA